

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 95/2018/HS-PT
Ngày : 31/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán: - *Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: + Bà Nguyễn Thị Thanh Bình
+ Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Việt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 55/2018/TLPT-HS ngày 30/5/2018 đối với bị cáo A do có kháng cáo của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2018/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

A - sinh ngày 13/02/1999 tại Bình Định; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, xã Z, huyện X, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: B – sinh năm 1974 và bà C – sinh năm 1975; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo D không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 09/10/2017, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77C1-019.22 chở A đi từ thị trấn K về xã Z, huyện X, tỉnh Bình Định. A nói D “Tao với mày giờ không có tiền, hay kiếm cái gì đó bán lấy tiền tiêu xài”, D trả lời: “Lúc này, tao thấy nhà ông E có chiếc xe máy, coi lấy được thì lấy”. Đến quán Internet của ông E ở thôn G, xã Z, D mở cửa sắt vào trong đất xe

đạp của D gửi trước đó rồi cùng A về nhà D cất xe đạp. Lúc này, biết xe mô tô biển kiểm soát 77H9-6263 của ông E có cấm chìa khóa, để ngoài hiên nên A điều khiển xe mô tô 77C1-019.22 chở D quay trở lại. Khi đến nhà ông E, A đứng ngoài cánh giới, D vào dắt xe mô tô 77H9-6263 ra ngoài. Sau đó, cả hai cùng điều khiển xe chạy thoát.

Ngày 20/10/2017 Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện X định giá và kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Jupiter biển kiểm soát 77H9-6263 trị giá 7.500.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã tạm giữ và trả lại cho ông B 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 77C1-019.22, tạm giữ và trả lại cho ông E 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter biển kiểm soát 77H9-6263.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho ông E số tiền 500.000 đồng tiền sửa xe mô tô, ông E không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HSST ngày 23/4/2018 Tòa án nhân dân huyện X, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, các Điểm b, h, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo A 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của bị cáo và đương sự khác.

**/ Ngày 26/4/2018 bị cáo A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.*

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 09/10/2017 bị cáo A cùng với D đã lén lút vào nhà ông E ở thôn G, xã Z, huyện X, tỉnh Bình Định lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Jupiter biển kiểm soát 77H9-6263 của ông E để ngoài hiên nhà. Trị giá tài sản mà bị cáo cùng với D trộm cắp có giá trị là 7.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự như cấp sơ thẩm đã tuyên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[3] Xét đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, bị cáo là người thành niên lại xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên phạm tội nên đã áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm n Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo được quy định tại Điểm b, h, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ mới như: Bị cáo là lao động chính; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; người bị hại tiếp tục có đơn xin cho bị cáo hưởng án treo (được chính quyền địa phương xác nhận) và hiện nay bị cáo đang theo học tại Trung tâm vì tính H (có xác nhận chủ Trung tâm). Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù có điều kiện là phù hợp.

[4] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện và ấn định thời gian thử thách để bị cáo phấn đấu sửa chữa lỗi lầm là hoàn toàn phù hợp, không ảnh hưởng gì xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên
- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo A không phải chịu;

Vì lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355; điểm e Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo A; Sửa quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

2- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, các Điểm b, h, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo A 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 31/8/2018.

Giao bị cáo A cho UBND xã Z, huyện X, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh BĐ;
- Sở tư pháp tỉnh BĐ;
- Cơ quan HSNVCSCA tỉnh BĐ;
- Tòa án, VKS, Công an huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hải